

Bản án số: 76/2024/HNGĐ - PT

Ngày: 13/5/2024

V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyên.

Ông Phan Quyết Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung, Thư ký viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Vĩnh Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 29/01/2024 về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2024/QĐ-PT ngày 16/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐ – PT ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị T N G**, sinh năm 1993; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: CH2506, khối B, chung cư Cao tầng CT1- CT2 G P T, khu nhà ở và công trình công cộng, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội. (Chị G vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông N V H - Văn phòng luật sư Đ N. (Ông H vắng mặt)

- **Bị đơn:** **Anh N C H**, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Thôn T A, xã T X T, huyện C M, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số 14B, ngách 22, đường N V L, quận L B, thành phố Hà Nội.

(Anh H có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Anh L V H**, sinh năm 1991.

2. **Chị N T Đ**, sinh năm 1992.

3. **Cháu L T P**, sinh năm 2018.

Cùng nơi đăng ký thường trú: Thôn T X 1, xã Y N, huyện Y Đ, Tỉnh T H; Cùng trú tại: Ngõ 36, M Đ, phường M T, quận N T L, thành phố Hà Nội.

4. **Chị N T H**, sinh năm 1993; Nơi đăng ký thường trú: Xã Y N, huyện Y Đ, tỉnh T H; Nơi ở hiện nay: Ngõ 36, M Đ, phường M T, quận N T L, thành phố Hà Nội.

(Anh H, chị Đ, cháu P và chị H đều vắng mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn là anh N C H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị T N G và đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Khi còn là vợ chồng, chị T N G và anh N C H có mua 01 căn hộ chung cư số 1502, nhà HH1, diện tích sàn 96,25m², địa chỉ là số: 1502, nhà HH1, khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội, trị giá căn hộ khi mua là 689.000.000 đồng, đây là khối tài sản chung của chị và anh H trong thời kỳ hôn nhân. Khi tiến hành thủ tục ly hôn năm 2021, anh chị không đề nghị Tòa án nhân dân huyện C M giải quyết phần tài sản chung là căn hộ nói trên. Nay hai bên không thỏa thuận được việc chia tài sản chung là căn hộ số 1502, nhà HH1 nên chị đề nghị Tòa án nhân dân quận C G xem xét giải quyết phân chia căn hộ trên theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị còn trình bày có tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô, chị đã bán với giá 400.000.000 đồng, tại các buổi hòa giải cũng như tại bản trình bày gửi đến Tòa trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị tự nguyện trả cho anh H giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe ô tô nêu trên tương đương số tiền 200.000.000 đồng cho anh H. Tại các buổi hòa giải, hai bên đã đưa ra nhiều phương án để hòa giải nhưng đều không đạt được sự thỏa thuận nên chị vẫn giữ ý kiến chia đôi căn hộ chung cư số 1502, nhà HH1, khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội và chị tự nguyện thanh toán cho anh H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tương đương với giá trị $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc ô tô đã bán.

Về án phí: Chị yêu cầu giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật

Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh N C H trình bày:

Năm 2016, anh H kết hôn với chị T N G, đến năm 2021 thì ly hôn được Tòa án nhân dân huyện C M giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân, anh đã tạo lập được các tài sản là 01 chiếc ô tô mang BKS 30G-43635 và căn hộ chung cư số 1502, nhà HH1, diện tích sàn 96,25m², khu đô thị mới Y H, quận C G, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn anh chị có thỏa thuận bằng miệng với nhau mà không lập bằng văn bản về việc anh nuôi con chung là cháu N C H và nhận toàn quyền sử dụng căn hộ chung cư số 1502, nhà HH1, khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G,

thành phố Hà Nội; Chị G được hưởng tài sản là chiếc ô tô mang BKS 30G 43635 mang tên N C H. Theo thỏa thuận này của hai bên, chị G là người trực tiếp ký giấy bán, số tiền thu được chị G toàn quyền sử dụng. Anh xác định căn hộ chung cư trên là tài sản riêng của cá nhân anh vì vậy anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị G. Anh H đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận này. Đối với đề nghị của chị G về việc tự nguyện thanh toán cho anh số tiền 200.000.000 đồng tương đương với giá trị ½ chiếc xe ô tô đã bán, anh không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh L V H, chị N T Đ thống nhất trình bày:

Anh H và chị Đ có thuê căn hộ 1502 Nhà HH1, Khu đô thị mới Y H, phường Y H, C G, Hà Nội từ thời điểm tháng 2/2023. Lúc thuê anh chị có nhờ em gái là N T H ký hợp đồng thuê nhà với anh N C H với thời hạn 01 năm. Căn hộ trên có vợ chồng anh chị và cháu L T P sinh năm 2018 sinh sống. Nay anh H và chị G tranh chấp căn hộ nêu trên, là người đang sinh sống tại đây anh chị có ý kiến như sau: Anh chị chỉ là người thuê nhà, đối với tranh chấp của anh H chị G anh chị không có ý kiến gì, không liên quan gì đến tài sản chung của anh chị, trong thời gian sinh sống ở đây anh chị không coi nới, sửa chữa gì căn hộ. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có mong muốn được tiếp tục hợp đồng thuê nhà đến khi hết hạn hợp đồng đã ký kết. Khi hết hạn hợp đồng anh chị sẽ có trách nhiệm bàn giao lại căn nhà cho chủ sở hữu hợp pháp. Anh H và chị Đ xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc liên quan đến vụ việc tranh chấp của anh H và chị G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị N T H trình bày:

Chị N T H và anh N C H đã ký hợp đồng cho thuê căn hộ chung cư ngày 16/1/2023, theo đó chị đã thuê của anh Huy căn hộ P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội. Trên thực tế, chị H chỉ ký hợp đồng hộ gia đình chị N T Đ (chị gái ruột) của chị do thời điểm đó gia đình chị Đ ở nước ngoài không thể về ký kết hợp đồng thuê được. Chị H không sinh sống tại đây mà chỉ có chị Đ cùng chồng là anh L V H và cháu L T P đang ăn ở sinh sống tại đây. Việc anh H chị G đang tranh chấp căn hộ nêu trên, chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết. Do bận công việc nên chị H xin phép được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc liên quan đến vụ án trên.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin chia tài sản chung sau ly hôn của chị T N G đối với anh N C H. Xác định căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng. Giao căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội cho anh N C H quản lý sử dụng. Anh N C H phải thanh toán phần chị T

N G được hưởng ½ giá trị căn hộ là 1.357.500.000 đồng.

Buộc chị T N G phải thanh toán cho anh N C H 200.000.000 đồng tương đương với giá trị ½ chiếc xe ô tô , đối trừ với số tiền anh N C H phải thanh toán phần chị T N G được hưởng ½ giá trị căn hộ là 1.357.500.000 đồng; buộc anh N C H phải thanh toán cho chị T N G số tiền 1.157.500.000 đồng.

Anh L V H, chị N T Đ, cháu L T P được tiếp tục ở lại căn hộ chung cư trên cho đến khi hết hợp đồng thuê nhà vào tháng 2/2024 hoặc cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến căn hộ chung cư nêu trên. Khi hết thời hạn thuê nhà, anh chị phải có trách nhiệm bàn giao lại căn hộ cho chủ sở hữu hợp pháp của căn hộ.

Chị T N G và anh N C H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên đối với căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, anh N C H đã kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội với lý do: Anh H và chị G đã có thỏa thuận riêng từ trước. Anh H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết và công nhận sự thỏa thuận đó. Ngoài ra, anh H yêu cầu định giá lại tài sản.

***Lời khai tại cấp phúc thẩm:**

Tại cấp phúc thẩm, anh H trình bày:

- Anh H xin rút yêu cầu định giá lại tài sản là căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội. Anh H đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận miệng giữa anh và chị G, cụ thể: Anh H nuôi con chung và được sở hữu căn hộ nêu trên, chị G được sở hữu số tiền khoảng 400.000.000 đồng tiền bán xe ô tô.

- Về nguồn gốc tài sản chung: Anh H trình bày đã mua căn hộ chung cư 1502, Tòa nhà HH1, Khu Đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội vào năm 2019 với giá tiền 2.100.000.000 đồng. Nguồn tiền do anh vay Ngân hàng T P 1.140.000.000 đồng nhưng hiện nay anh đã vay anh chị em để trả hết cho ngân hàng. Tài liệu chứng minh là Sổ phụ tài khoản và CL02 – Sổ phụ chi tiết tài khoản vay cùng ngày 17/4/2024. Số tiền còn lại 960.000.000 đồng anh thanh toán bằng tiền của mình, trong đó có 600.000.000 đồng là của cá nhân anh, 300.000.000 đồng là anh vay của anh chị em trong gia đình. Số tiền vay của anh chị em trong gia đình hiện anh chưa trả hết, anh không yêu cầu gì về vấn đề này. Chị G không có đóng góp gì cùng anh. Từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2020 chị G bỏ về nhà ngoại ở. Anh H đồng ý cho chị G đứng tên trong Giấy chứng nhận vì anh đang trong thời kỳ hôn nhân với

chị G. Anh H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho anh được nhận sở hữu toàn bộ căn hộ trên vì anh đã chia cho chị G chiếc xe ô tô mang BKS 30G-43635 mà chị G đã bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Anh H cho thuê căn hộ nhưng hiện đã hết hạn hợp đồng thuê, anh H, chị Đ, chị H đã bàn giao lại căn hộ cho anh H từ tháng 02/2024. Anh H, chị G không có nợ chung, không cho ai vay nợ.

- Tại cấp phúc thẩm, chị G trình bày:

Chị G đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không có kháng cáo. Chị G khẳng định giữa chị và anh H không có thỏa thuận miệng nào về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng mà đi đến thống nhất được nên mới phải khởi kiện ra Tòa án. Mặt khác, chị G được biết theo quy định của pháp luật thì các thỏa thuận liên quan đến nhà đất, xe ô tô chỉ có giá trị pháp lý khi được lập thành văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và có chữ ký của các bên tham gia thỏa thuận. Do đó, việc anh H trình bày giữa anh chị có thỏa thuận miệng về phân chia tài sản là không có căn cứ. Về nguồn gốc hình thành tài sản chung vợ chồng là: căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, Khu đô thị mới Y H, quận C G, thành phố Hà Nội và chiếc xe Ford Ecospot đều hình thành do công sức của cả hai vợ chồng nên chị G đề nghị Tòa án thành phố Hà Nội giữ nguyên hiệu lực của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G. Chị G đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của anh H. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị N T H trình bày:

Ngày 16/01/2023, chị H đã ký hợp đồng cho thuê căn hộ chung cư với anh N C H; Theo đó, chị H đã thuê của anh H căn hộ P2502, tòa nhà HH1, ngõ 6, đường D Đ N, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội; Thời hạn thuê của hợp đồng là 01 năm tính từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 31/01/2024. Tuy nhiên, trên thực tế chị H chỉ ký Hợp đồng thuê nhà hộ cho gia đình chị gái là chị N T Đ đến ở, do thời điểm đó gia đình chị Đ ở nước ngoài không thể về ký kết hợp đồng được. Chị H không sinh sống tại địa chỉ trên mà chỉ có vợ chồng chị Đ và anh H cùng với cháu P sinh sống tại căn hộ trên. Quá trình vợ chồng anh H, chị Đ sống tại địa chỉ trên thì không xây dựng, sửa chữa, cải tạo gì. Đến nay thời hạn thuê căn hộ trên đã hết; Vợ chồng anh H, chị Đ, cháu P không còn sinh sống tại căn hộ trên, đã bàn giao trả lại căn hộ cho anh H và chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay chị H không có nhu cầu tiếp tục thuê căn hộ trên nữa; Hợp đồng thuê nhà đã chấm dứt hiệu lực. Chị H đã chấm dứt việc thuê căn hộ nêu trên. Đến nay, anh H và chị G vẫn đang tranh chấp căn hộ nêu trên, chị H đề nghị Tòa án chấm dứt tư cách tố tụng của chị H trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị H không còn liên quan đến vụ án trên nữa. Chị H không có bất cứ khiếu nại hay thắc mắc gì liên quan đến vụ án trên.

- Anh H, chị Đ không có mặt theo giấy triệu tập, các thông báo của Tòa án, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nên không có lời khai. Tại phiên tòa:

- Lời khai tại phiên tòa bị đơn là anh N C H trình bày:

Anh H xin rút yêu cầu định giá tài sản. Anh H đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận miệng giữa chị G và anh H về việc phân chia tài sản cho anh được hưởng toàn bộ căn hộ chung cư, chị G được hưởng số tiền bán xe ô tô. Anh H đề nghị Tòa án xác định căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, Khu đô thị mới Y H, quận C G, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của anh trong thời kỳ hôn nhân với chị G. Anh cho chị G đứng tên căn hộ là vì khi mua căn hộ trên thì vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Toàn bộ số tiền 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng) để mua căn hộ trên là của anh H vay mượn của Ngân hàng, vay của anh chị em trong gia đình và tiền lương của anh H, chị G không có đóng góp gì. Đối với số tiền còn nợ mà anh H vay của anh chị em trong gia đình thì anh H vẫn chưa trả hết. Anh H không yêu cầu gì về vấn đề này. Mặt khác, vì anh H đã chia cho chị G 01 chiếc ô tô mang BKS 30G-43635 và chị G đã bán đi lấy tiền.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, anh H được hưởng 60% giá trị căn hộ chung cư số 1502 nhà HH1 khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội./.

Về các quyết định khác giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Ngày 28/6/2022, chị T N G có đơn khởi kiện về việc: “Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn” đối với anh N C H trú tại: Thôn T Á, xã T X T, huyện C M, thành phố Hà Nội.

Căn hộ chị G khởi kiện yêu cầu chia có địa chỉ tại tòa nhà HH1, khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận C G, Thành Phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 28/9/2023, Tòa án nhân dân quận C G xét xử sơ thẩm và tuyên án tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 12/10/2023, anh H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của anh N C H kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo đúng thời hạn là hợp lệ nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa mở lại lần 2, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị N T H có đơn xin xử án vắng mặt; Anh L V H và chị N T H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Sau khi có Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G, anh H đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Anh H và chị G đã có thỏa thuận riêng từ trước. Anh H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết và công nhận sự thỏa thuận đó. Ngoài ra, anh H yêu cầu định giá lại tài sản. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh H xin rút yêu cầu định giá lại tài sản. Anh H yêu cầu công nhận thỏa thuận miệng giữa chị G và anh H. Anh H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chia cho anh H toàn bộ căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, Khu đô thị mới Y H, quận C G, thành phố Hà Nội, tương đương 100% giá trị vì anh H xác định căn hộ này là tài sản riêng của cá nhân anh H trong thời kỳ hôn nhân với chị G. Toàn bộ số tiền 2.100.000.000 đồng để mua căn hộ trên là của anh H vay mượn của anh chị em trong gia đình và tiền lương của anh H, chị G không có đóng góp gì. Đối với số tiền còn nợ mà anh H vay của anh chị em trong gia đình thì anh H vẫn chưa trả hết. Anh H không yêu cầu gì về vấn đề này. Mặt khác, vì anh H đã chia cho chị G 01 chiếc ô tô mang BKS 30G-43635 và chị G đã bán đi lấy tiền.

[2.1]. Xét yêu cầu của anh H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia cho anh H toàn bộ căn hộ chung cư 1502, Tòa nhà HH1, Khu Đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Anh N C H và chị T N G thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C M, thành phố Hà Nội theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C M, có nội dung về phần tài sản chung (Nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ...) như sau: Chị G và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 có hiệu lực pháp luật. Hai bên không

thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung là căn hộ chung cư P1502, tòa nhà HH1, ngõ 6 đường D Đ N, Khu đô thị mới Y H, quận C G, thành phố Hà Nội và 01 chiếc xe ô tô, chị G đã bán với giá 400.000.000 đồng. Chị G đề nghị Tòa án chia tài sản chung là nhà đất trên theo quy định của pháp luật và tự nguyện trả cho anh H giá trị ½ chiếc xe ô tô nêu trên tương đương số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

***Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện:**

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, do không thống nhất được về giá, căn cứ đơn yêu cầu của chị T N G, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá đối với căn hộ nêu trên. Tòa án đã mời Công ty Cổ phần thẩm định giá và thương mại VIC tiến hành định giá căn hộ và đưa ra kết quả như sau: Giá trị thị trường của căn hộ chung cư số 1502, thuộc tòa HH1, khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội tại thời điểm định giá có giá là 2.715.000.000 đồng. Hội đồng định giá quận C G cũng đã tiến hành biểu quyết và nhất trí với kết quả định giá tại chứng thư thẩm định giá nêu trên. Anh H và chị G đã được thông báo về giá trị của căn hộ và không có ý kiến yêu cầu Tòa định giá lại. Do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận giá trị của căn hộ được xác định là 2.715.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng).

Kết quả định giá:

Theo chứng thư thẩm định giá số 26/CT-VIC ngày 11/7/2023 của CTCP thẩm định giá và thương mại VIC xác định giá trị căn 1502 nhà HH1 khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội tại thời điểm định giá tháng 7/2023 là: 2.715.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng).

Tại cấp sơ thẩm, chị G xác định nguồn gốc số tiền mua căn hộ nêu trên đều do anh chị tích góp chung, chị G đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, cụ thể giao cho chị được hưởng ½ giá trị căn hộ. Chị G không chứng minh được công sức đóng góp riêng. Chị G khai mua căn hộ trên với giá là: 689.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế. Tại cấp phúc thẩm, anh H đã cung cấp các tài liệu là Sổ phụ tài khoản và CL02 – Sổ phụ chi tiết tài khoản vay thể hiện ngày 25/4/2019 anh vay ngân hàng Tiên phong 1.140.000.000 đồng để mua nhà. Theo tài liệu anh Huy cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện anh H là người đứng ra vay ngân hàng tiền mua nhà và cũng là người trả nợ ngân hàng số tiền 1.140.000.000 đồng trong thời gian từ 25/4/2019 đến 03/3/2020. Trong khi anh H khai mua nhà với số tiền 2.100.000.000 đồng. Sổ phụ tài khoản của anh H thể hiện anh là người trả lãi, trả gốc tiền vay. Ngoài ra, ngày 24/4/2019 (trước ngày vay ngân hàng) anh H đã chuyển khoản trả trước tiền nhà là 600.000.000 đồng. Anh H khai anh còn vay anh chị em trong gia đình để trả tiền mua nhà nhưng anh không yêu cầu giải quyết. Như vậy, anh H có nhiều công sức hơn trong việc mua căn hộ này. Án sơ thẩm xác định anh H chị G có công sức như nhau và mỗi người được hưởng 50% giá trị căn hộ là thiệt thòi cho anh H. Cần xác

định công sức đóng góp của anh H là 60% trong việc tạo dựng căn hộ chung cư này. Kháng cáo của anh H về vấn đề này có cơ sở để chấp nhận. Giá trị của căn hộ được xác định là 2.715.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng). Anh H được hưởng 60% giá trị căn hộ tương đương với: 1.629.000.000.000 đồng; Chị G được hưởng 40% giá trị căn hộ tương đương với: 1.086.000.000 đồng.

Về việc giao căn hộ cho ai quản lý: Hội đồng xét xử nhận thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tuyên giao căn hộ trên cho anh H quản lý, sử dụng. Chị G không kháng cáo về vấn đề này nên không xem xét.

Về căn hộ chung cư số 1502 nhà HH1 khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội: Ngày 16/5/2019 anh H, chị G được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CR 150348 ngày 19/5/2019 đối với căn hộ này. **Anh H không cung cấp được tài liệu nào xác định chị G từ chối quyền sở hữu, sử dụng căn hộ trên.** Như vậy, về mặt pháp lý căn hộ là tài sản chung của vợ chồng anh H và chị G.

Nay anh H đề nghị Tòa án xác định căn hộ là tài sản riêng của anh và đề nghị giải quyết cho anh được sở hữu toàn bộ căn hộ. Xét thấy, giả sử trường hợp anh H là người bỏ toàn bộ tiền ra mua căn hộ này nhưng sau đó anh đồng ý cho chị G được cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận thì cũng có nghĩa anh đồng ý xác định đây là tài sản chung vợ chồng giữa anh và chị G. Án sơ thẩm xác định đây là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Kháng cáo của anh về vấn đề này không có cơ sở để xem xét.

Về thỏa thuận miệng đối với tài sản chung vợ chồng khi anh H, chị G ly hôn: Theo anh H, thỏa thuận miệng giữa anh chị là anh nuôi con chung và hưởng căn hộ 1502, chị G được hưởng xe ô tô đứng tên anh hiện chị đã bán. Chị G không đồng ý với lời khai của anh H và cho rằng 2 bên không có thỏa thuận nào.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật HNGĐ “*Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau: a) Bất động sản; b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu...*”. Khoản 1 Điều 39 Luật HNGĐ quy định “*Thời điểm có hiệu lực của việc chia tài sản chung của vợ chồng là thời điểm do vợ chồng thỏa thuận và được ghi trong văn bản...*”. Do vậy, nếu có thỏa thuận miệng của anh H và chị G về việc chia căn hộ này mà anh chị không lập thành văn bản thì thỏa thuận đó cũng không có giá trị. Mặt khác, chị G cũng không công nhận vợ chồng có thỏa thuận miệng và yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị G để chia giá trị căn hộ chung cư số 1502 nhà HH1 khu đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội là có căn cứ.

Ghi nhận sự tự nguyện thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu

đồng) tương đương giá trị của chiếc xe ô tô của chị T N G.

Từ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh N C H.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Quá trình cho thuê nhà thời hạn thuê nhà đã hết, bên thuê nhà đã chuyển giao, trả lại căn hộ cho anh trực tiếp quản lý, sử dụng; Những người liên quan không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

* Về án phí phúc thẩm: Anh H được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm; Anh H và chị G phải chịu án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- **Căn cứ:** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của anh N C H đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận C G, thành phố Hà Nội về việc: “Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn”.

Sửa án sơ thẩm:

1. **Về tài sản:** Giao cho anh N C H sở hữu căn hộ chung cư diện tích 96,25m²số 1502, Tòa nhà HH1, Khu Đô thị mới Y H, phường Y H, quận C G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CR 150348 được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp. Anh N C H phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho chị T N G tiền chênh lệch về tài sản chung (chị G được hưởng 40% giá trị căn hộ) là: **1.086.000.000 đồng** (Một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Buộc chị T N G phải thanh toán cho anh N C H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tương đương với ½ giá trị chiếc xe ô tô, đối trừ với số tiền anh H phải thanh toán cho chị G tiền chênh lệch về tài sản chung 1.086.000.000 đồng; Buộc anh H phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho chị T N G số tiền là: **886.000.000 đồng** (Tám trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Anh N C H phải có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm lại thủ tục sang tên giấy tờ Căn hộ 1502, Tòa nhà HH1, Khu Đô thị mới Y H, phường

Y H, quận C G, thành phố Hà Nội về mình theo đúng quy định của pháp luật.

Án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị T N G có đơn yêu cầu thi hành án mà anh N C H không thanh toán đủ cho chị T N G số tiền phải trả trên, thì hàng tháng anh N C H còn phải thanh toán cho chị T N G một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, của khoản tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh L V H, chị N T Đ, cháu L T P, chị N T H không có yêu cầu độc lập nên không xét.

2. Về án phí:

Anh N C H phải nộp **60.870.000** đồng (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch. Chị T N G phải nộp **44.580.000** đồng (Bốn mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch, được trừ 15.780.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0018858 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, thành phố Hà Nội, chị T N G còn phải nộp: **28.800.000** đồng (Hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền án phí tranh chấp tài sản có giá ngạch.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội;
- TAND quận C G;
- Chi cục THADS quận C G;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Hạnh

